

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập–Tự do–Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2022/ HNGĐ-ST

Ngày 21 - 11 - 2022

V/v không công nhận là vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Bằng.

-Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Nghĩa.

2. Ông Trần Thanh Khen.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 489/2022/ TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022, về việc “ Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện L, tỉnh T.

Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp M 1, xã P, huyện H, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 8 năm 2022 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn anh Nguyễn Quốc V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua quen biết anh và chị T tiến đến hôn nhân vào năm 2005, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán với sự chứng kiến của gia đình hai bên, nhưng do đi làm xa nên anh và chị không đi đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên cự cãi nhiều lần, anh chị nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Anh chị sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Không có, anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có chuyển nhượng phần đất thuộc thửa số 258, diện tích 1.149,3m², loại đất CLN và thửa số 259, diện tích 911,7m², tờ bản đồ số 9, đất tọa lạc tại ấp Phú Mỹ 1, xã Đồng Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long do anh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh không tranh chấp về tài sản, không yêu cầu giải quyết mà để anh chị tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn chị Trần Thị T trình bày:* Theo lời trình bày của anh V là đúng, anh chị tiến đến hôn nhân vào năm 2005 nhưng không đăng ký kết hôn. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đồng ý ly hôn với anh V.

Về con chung: Không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

-Ý kiến của anh V tại phiên tòa: Anh yêu cầu được ly hôn với chị T. Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

-Ý kiến của chị T tại phiên tòa: Chị đồng ý ly hôn với anh V. Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về quan hệ hôn nhân: Năm 2005 anh V và chị T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn là vi phạm vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp.

[2]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Anh V và chị T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2005 nhưng không đăng ký kết hôn. Do đó pháp luật không

công nhận anh chị là vợ chồng. Trong thời gian chung sống theo anh chị cũng có những mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh chị cũng không còn chung sống với nhau trong thời gian dài. Tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đồng ý thuận tình ly hôn, nhưng do anh chị không đăng ký kết hôn nên không công nhận anh chị là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Anh chị trình bày không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Quốc V và chị Trần Thị T là vợ chồng.

2. Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai số 0004262 ngày 03 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ.

5. Quyền kháng cáo: Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- CC THADS huyện Long Hồ;
- UBND xã P- L- T;
- UBND xã P- H- L;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án. /.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Bằng